

Số: 02 /HD-NTM
V/v hướng dẫn lập hồ sơ kiên cố hóa
kênh mương đi qua khu dân cư hoàn
thành xây dựng năm 2024

Hải Hậu, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Thủ trưởng các cơ quan liên quan.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 về việc quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của UBND huyện Hải Hậu về việc ban hành quy định cơ chế hỗ trợ và khen thưởng xây dựng nông thôn mới năm 2024 từ vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước huyện Hải Hậu.

Văn phòng Điều phối NTM huyện hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ xây dựng, hồ sơ hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn huyện Hải Hậu như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng:
 - + Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.
 - + Công trình kiên cố hóa kênh mương nằm trên 01 đơn vị quản lý hành chính cấp xã, do UBND xã, thị trấn quản lý.
 - + Tổng mức đầu tư một công trình (dự án) không vượt quá 5 tỷ đồng.
 - + Công trình không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế có sẵn đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.
 - + Thuộc danh mục loại dự án trên địa bàn xã được áp dụng cơ chế đặc thù do UBND tỉnh Nam Định ban hành (Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định).

- Đối tượng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến việc quản lý, đầu tư và thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

- Hình thức thực hiện: Công trình triển khai xây dựng trên cơ sở tham vấn từ cộng đồng dân cư trực tiếp hưởng lợi và thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Huy động nguồn lực, sử dụng kinh phí, tổ chức quản lý và giám sát, đánh giá việc thực hiện theo đúng quy định.

2. Kinh phí hỗ trợ

Tổng mức đầu tư công trình và cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kinh phí nhà nước hỗ trợ tối đa 70% (gồm: ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, xã), đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác.

Trong đó nguồn kinh phí cấp huyện năm 2024 hỗ trợ là:

- Kênh cấp 1, cấp 2 đi qua khu dân cư (tính theo chiều dài và 1 bên kênh) hỗ trợ 100 triệu đồng/01 km.

- Kênh cấp 3 đi qua khu dân cư (tính theo chiều dài và 1 bên kênh) hỗ trợ 30 triệu đồng/01 km.

3. Các loại kênh kiên cố hóa được nghiệm thu, hỗ trợ

- Kênh cấp 1, cấp 2 đi qua khu dân cư là kênh có tên trong danh mục kênh của hệ thống tưới tiêu cấp huyện do Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Hải Hậu quản lý.

- Kênh cấp 3 đi qua khu dân cư là kênh có tên trong danh mục kênh của hệ thống tưới tiêu cấp xã do cấp xã quản lý, là kênh đi qua khu dân cư để tưới, tiêu nước cho vùng trồng lúa, vùng rau màu hoặc vùng nuôi trồng thủy sản.

- Không nghiệm thu, hỗ trợ các kênh tiêu nước trong khu dân cư.

- Điều kiện để được hỗ trợ: Các kênh cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư có chiều dài liên tục đạt từ 100 mét trở lên hoặc có chiều dài liên tục dưới 100 m nếu chiều dài kênh đến hết địa giới khu dân cư tập trung.

4. Hồ sơ công trình (dự án) kiên cố hóa kênh đi qua khu dân cư

Việc lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án; lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; tổ chức, quản lý thi công, nghiệm thu công trình và thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng...

Thực hiện theo Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Điều 13, Điều 18 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Khoản 4, Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; các văn bản khác có liên quan.

4.1. Hồ sơ công trình lưu tại UBND cấp xã

UBND cấp xã lưu bản bản chính, gồm:

- Quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (biểu mẫu số 1). Ban quản lý xây dựng NTM cấp xã (gọi tắt là Ban quản lý xã),

thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo UBND cấp xã, cán bộ chuyên môn cấp xã; đại diện ban, ngành, đoàn thể chính trị xã; trưởng xóm, tổ dân phố.

- Thuyết minh báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng (biểu mẫu số 2); kèm theo bản vẽ thiết kế thi công, bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

- Biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư (biểu mẫu số 3).

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (biểu mẫu số 4).

- Thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật (biểu mẫu số 5).

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (biểu mẫu số 6).

- Quyết định phê duyệt chọn đơn vị thi công (biểu mẫu số 7).

- Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu (biểu mẫu số 8).

- Quyết định thành lập Ban giám sát thi công xây dựng (biểu mẫu số 9).

- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công việc xây dựng (biểu số 10).

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để bàn giao đưa vào sử dụng (biểu mẫu số 11).

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (biểu số 12).

- Đơn đề nghị hỗ trợ của xóm, tổ dân phố (biểu mẫu số 13).

- Tờ trình của UBND xã, thị trấn đề nghị UBND huyện hỗ trợ kinh phí (biểu mẫu số 14).

- Bảng tổng hợp chi tiết kinh phí đề nghị hỗ trợ của UBND xã, thị trấn (biểu mẫu số 15).

- Biên bản nghiệm thu của Tổ công tác của huyện về thẩm định, nghiệm thu kết quả kiên cố hóa kênh đi qua khu dân cư hoàn thành xây dựng trong năm 2023 (biểu số 16, gửi về huyện 02 bản chính do Tổ công tác nộp, 01 bản lưu tại UBND xã, thị trấn).

4.2. Hồ sơ đề nghị UBND huyện hỗ trợ

- Hồ sơ bản chính, 02 bộ, nộp về Văn phòng Điều phối NTM huyện để trình UBND huyện hỗ trợ, gồm:

Tờ trình của UBND xã, thị trấn đề nghị UBND huyện hỗ trợ kinh phí (biểu mẫu số 14).

Bảng tổng hợp chi tiết kinh phí đề nghị hỗ trợ của UBND xã, thị trấn (biểu mẫu số 15). Đơn đề nghị hỗ trợ của xóm, tổ dân phố (biểu mẫu số 13).

Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình (báo cáo kinh tế - kỹ thuật - biểu mẫu số 6).

- Hồ sơ bản phô tô, 01 bộ, nộp về Văn phòng Điều phối NTM huyện để phục vụ công tác nghiệm thu công trình, gồm: Theo các biểu mẫu số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 6, số 7, số 8, số 9, số 10, số 11, số 12, số 15.

Để phục vụ cho công tác nghiệm thu các tuyến kênh mương cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư hoàn thành xây dựng năm 2024, đề nghị UBND các xã, thị trấn nộp hồ sơ theo nội dung tại mục 4.2 (Hồ sơ đề nghị UBND huyện hỗ trợ) về văn phòng Điều phối NTM huyện chậm nhất ngày 21/03/2025.

Trên đây là nội dung hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ kiên cố hóa kênh mương đi qua khu dân cư xây dựng năm 2024, Văn phòng Điều phối NTM huyện đề nghị UBND các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan liên quan quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- BVT Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện; (để báo cáo)
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như trên;
- Đăng công TTĐT huyện;
- Lưu: NN

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Mai Đức Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (TT)**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng..... năm 20...

Biểu mẫu
số 1

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới
xã, (TT).....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (TT).....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Xét đề nghị của Văn Phòng HĐND - UBND xã, (TT),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban quản lý xây dựng NTM xã (TT)....., gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông:..... - Chức vụ: Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) UBND xã (TT) - Trưởng ban;

2. Ông: - Chức vụ: - Phó Trưởng ban.

3. Ông: - Chức vụ: - Ủy viên.

4.

5.

Điều 2. Ban quản lý xây dựng NTM xã (TT) có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quản lý các công trình, dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Văn phòng HĐND - UBND xã (TT), Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã, thị trấn, đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

Biểu mẫu
số 2

THUYẾT MINH

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**Công trình: Kiên cố hóa kênh mương đoạn****I. Những căn cứ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ vào định mức XDCCB theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thông qua tại kỳ họpngày.....tháng.....năm.....;

Căn cứ giá vật liệu thực tế tại địa phương (theo biên bản của hội đồng xác định giá);

Căn cứ giá nhân công và máy thi công theo thỏa thuận tại thời điểm thực hiện.

II. Quy mô xây dựng

1. Hiện trạng Giới thiệu sơ lược về công trình trong đó cần ghi rõ một số nội dung sau:

- Công trình gồm các tuyến kênh dài bao nhiêu mét (kênh cấp 1, kênh cấp 2, kênh cấp 3);

- Diện tích tưới của các tuyến kênh?

- Tên đoạn kênh cần được kiên cố, diện tích tưới?

2. Quy mô thiết kế

- Chiều dài kênh cần kiên cố L = mét. Là kênh cấp....

- Mặt cắt ngang kênh thiết kế kích thước (b x h)m:

- Kết cấu kênh:

- Các công trình trên kênh của đoạn kênh cần kiên cố (.... từ nhà ông – xóm đến nhà ông - xóm.....)

- Lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng, cự ly vận chuyển vật liệu (cát, gạch, đá dăm, xi măng).

III. Kinh phí đầu tư: đồng

Trong đó: - Giá trị xây lắp: đồng

- Chi phí khác đồng

IV. Nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước (Trung ương, Tỉnh, Huyện và xã, TT):.....đồng

- Nhân dân đóng góp:.....đồng

V. Thời gian tổ chức thực hiện: Từ.....đến.....

Kèm theo bản vẽ thiết kế thi công, bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng.

TM. BAN QUẢN LÝ
TRƯỞNG BAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu
số 3

BIÊN BẢN

**Họp cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
Công trình**

Thời gian họp: ngày tháng Năm

Địa chỉ nơi họp:

Nội dung cuộc họp: Thông báo báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình kiên cố hóa kênh cấp..., qua khu dân cư và lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư về công trình.

1. Thành phần tham dự:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã:

1.2. Đại diện Ban quản lý xây dựng NTM xã:

1.3. Đại diện đơn vị thi công:

1.4. Đại biểu mời tham dự:

- Đại diện của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp:

- Đại diện Ban công tác Mặt trận của các đơn vị cấp xóm có hạng mục thi công:.....

- Trưởng xóm của các đơn vị cấp xóm có hạng mục thi công:.....

- Đại diện nhân dân của các đơn vị cấp xóm có hạng mục thi công:

- Phân công thư ký hội nghị.

(Lập bảng danh sách ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký của những người tham dự)

2. Nội dung hội nghị:

- Đại diện Ban quản lý xây dựng NTM xã chủ trì hội nghị: Thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự.

- Đơn vị thi công hoặc Ban quản lý cấp xã báo cáo trước hội nghị về báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, trong đó có các nội dung: quy mô xây dựng, kinh phí xây dựng (kinh phí nhà nước hỗ trợ, kinh phí nhân dân góp và các nguồn hợp pháp khác).

- Các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến: Ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi, thảo luận, phản hồi, kiến nghị của đại diện cộng đồng dân cư..... phản hồi của Ban quản lý xã....

- Đại diện Ban quản lý xây dựng NTM xã tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư, ý kiến giải quyết kiến nghị của Ban quản lý xây dựng NTM và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ XD NTM XÃ
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN UB MẶT TRẬN TQ XÃ
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN CỦA
CÁC XÓM
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN CHO CÁC TRƯỞNG XÓM
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN NHÂN DÂN
(Ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
(Ký, ghi họ tên)

UBND XÃ, TT.....
BQL XÂY DỰNG NTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQL

....., ngày.....tháng..... năm 20....

Biểu mẫu
số 4

TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ vào định mức XD/CB theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thông qua tại kỳ họp.....ngày.....tháng.....năm.....;

Căn cứ giá vật liệu thực tế tại địa phương (theo biên bản của hội đồng xác định giá);

Căn cứ giá nhân công và máy thi công theo thỏa thuận tại thời điểm thực hiện.

Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, TT..... trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình:.....
2. Chủ đầu tư:.....
3. Địa điểm xây dựng:.....
4. Nội dung và quy mô xây dựng:
5. Tổng mức đầu tư:.....
6. Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn ngân sách Trung ương, Tỉnh, Huyện, xã (TT).....
 - Vốn nhân dân đóng góp:.....
7. Thời gian thực hiện:.....

Nơi nhận:

- UBND xã, TT;
- Lưu: BQL.

TM. BAN QUẢN LÝ

TRƯỞNG BAN

(Ký tên, đóng dấu)

UBND XÃ, TT.....
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-KQTD

....., ngày tháng năm 20...

Biểu mẫu
số 5

THÔNG BÁO
Kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
Công trình:.....

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ vào định mức XDCB theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ

Căn cứ kết quả khảo sát đơn giá vật tư, nhân công tại địa phương và hồ sơ xây dựng công trình

Sau khi xem xét, tổ thẩm định thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Đơn vị lập báo cáo KT-KT:
11. Đơn vị thi công:
12. Đơn vị giám sát thi công:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Kết quả thẩm định thiết kế

- Sự phù hợp của thiết kế với quy hoạch xây dựng chung xã, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

2. Kết quả thẩm định dự toán

Căn cứ vào định mức XDCB theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;;

Căn cứ kết quả khảo sát đơn giá vật tư, nhân công thực tế tại địa phương;

+ Khối lượng xây lắp tính từ thiết kế so với khối lượng xây lắp tính trong dự toán: phù hợp

+ Giá trị dự toán sau khi thẩm định so sánh với dự toán lập bảng:

DVT: đồng

TT	Nội dung	Giá trị dự toán lập	Giá trị sau thẩm định	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng số			
I	Chi phí xây dựng			
II	Chi phí quản lý dự án, giám sát			
...				
	Tổng chi phí:			

E. KẾT LUẬN:

Công trình (tên công trình) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của về kết quả thẩm định báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình (Tên công trình). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

TỔ TRƯỞNG TỔ THẨM ĐỊNH

.....

CÁC THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH

.....

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (TT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày.....tháng..... năm 20....

Biểu mẫu
số 6

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
Công trình:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (TT)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình do Tổ thẩm định lập tại Văn bản số...../TB- KQTD ngày...../...../.....

Căn cứ đơn giá vật tư, nhân công thực tế tại địa phương;

Xét đề nghị Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, TT tại Tờ trình số/TTr-BQL ngày .../...../.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:
....., với những nội dung chủ yếu sau:

- 1- Tên công trình:.....
- 2- Địa điểm xây dựng:.....
- 3- Chủ đầu tư:
- 4- Quy mô xây dựng:
- 4.1: Thiết kế kỹ thuật thi công:
- Hồ sơ thiết kế lập gồm:.....bản vẽ

- Quy mô và giải pháp thiết kế:

.....

5. Tổng mức đầu tư :đồng

Trong đó: - Chi phí xây dựng:đồng

- Chi phí quản lý dự án:đồng

- Chi phí: đồng

6. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh:.....đồng.

- Ngân sách huyện:.....đồng.

- Ngân sách xã hỗ trợ:.....đồng.

- Nhân dân đóng góp:đồng.

- Nguồn vốn hợp pháp khác.....đồng.

7. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án xây dựng NTM trực tiếp quản lý.

8. Thời gian thực hiện:..... ngày (từ tháng.../20....đến hết tháng..../20...)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Văn phòng UBND xã, thị trấn, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, TT.....**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm 20.....

Biểu mẫu
số 7

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chọn đơn vị thi công xây lắp
Công trình: Xóm (TDP)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, TT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 163/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ Quyết định số..... /QĐ-UBND ngày//20 của UBND xã(TT) về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng Ban quản lý xây dựng NTM xã và các Trưởng xóm (TDP).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý chọn..... là đơn vị thi công xây dựng công trình:..... xóm (TDP)..... với giá chỉ định thầu xây dựng công trình là: đồng (.....đồng).

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Thời gian thực hiện:.....ngày, kể từ ngày hợp đồng A – B ký kết có hiệu lực.

Điều 2. Giao cho BQLDA xây dựng công trình thương thảo, hoàn thiện và ký hợp đồng với đơn vị được chọn tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Đơn vị được chọn thi công công trình tại Điều 1 có trách nhiệm thi công công trình theo đúng thiết kế được duyệt. Thi công đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký,

Văn phòng HĐND-UBND xã; Ban quản lý dự án xây dựng công trình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Văn thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**Biểu mẫu
số 8**HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỀ GIAO NHẬN THẦU XÂY LẬP
Số:/20..../HĐ-XD****Về việc xây dựng công trình:.....
Xã (TT).....****I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 163/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Căn cứ

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /...../20.... của UBND xã(TT) về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../20... của UBND xã(TT) về việc chọn đơn vị thi công công trình,

Hôm nay, ngày..... tháng năm 20..., tại trụ sở UBND xã(TT)....., chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:**1. Bên Giao thầu: Ủy ban nhân dân xã (TT). (gọi tắt là bên A):**

- Người đại diện: Ông (bà)..... chức vụ:.....

- Điện thoại:

- Tài khoản số: tại:.....

2. Bên nhận thầu: (gọi tắt là Bên B)

- Người đại diện: Ông (bà)..... chức vụ:.....

- Điện thoại:

- Tài khoản số: tại:.....

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1: Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt:

Công trình: xóm (TDP)..... xã(TT) theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

- Theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật đã được UBND xã.(TT)..... phê duyệt tại Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày/...../.....

Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện:.....ngày, kể từ ngày khởi công.

- Ngày khởi công:/...../.....

Điều 4. Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình:

4.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình hiện hành.
- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng; từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo;
- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định;

- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã được xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định hiện hành trong quản lý đầu tư xây dựng;
- Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.
- Việc nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng phải thành lập Hội đồng nghiệm thu bàn giao công trình, thành phần của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng.

Điều 5. Bảo hành công trình:

5.1. Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra.

5.2. Thời hạn bảo hành công trình được tính từ ngày nhà thầu thi công xây dựng công trình bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình phải bảo hành cho chủ đầu tư. Thời gian bảo hành công trình chấp hành theo đúng quy định hiện hành trong quản lý đầu tư xây dựng.

5.3. Mức tiền cam kết để bảo hành công trình:

- Bên B có trách nhiệm nộp tiền bảo hành vào tài khoản của chủ đầu tư theo mức 5% giá trị hợp đồng.
- Bên B chỉ nhận được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.
- Tiền bảo hành công trình xây dựng, bảo hành thiết bị công trình được thực hiện theo đúng yêu cầu trong quy định hiện hành của quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 6. Hình thức và giá trị hợp đồng:

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói:
- Giá trị hợp đồng:đồng

(.....**Đồng chẵn**)

(Phụ lục kinh phí và theo dự toán được duyệt kèm theo)

Điều 7. Thanh toán hợp đồng:**7.1. Tạm ứng:**

Việc tạm ứng vốn theo hai bên thỏa thuận và đương thực hiện ngày sau khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực. Mức tạm ứng được thực hiện theo quy định hiện hành trong quản lý đầu tư xây dựng. Mức tạm ứng.....% giá trị hợp đồng.

7.2. Thanh toán hợp đồng:

- Hai bên giao nhận thầu thảo thuận về phương thức thanh toán theo thời gian hoặc theo giai đoạn hoàn thành trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành và đơn giá trúng thầu:

- Giá trị hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:
- + Bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong hợp đồng đã ký kết;
- + Do các trường hợp bất khả kháng khác.....

Việc điều chỉnh giá tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khối lượng thi công sai đồ án thiết kế, không đảm bảo kỹ thuật, chất lượng phải phá đi làm lại hoặc sửa chữa.... đều không được bên A thanh toán.

- Sau khi bàn giao sản phẩm hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm thu quyết toán và thanh lý hợp đồng.

7.3 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.**Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:**

Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết;

Điều 9. Tạm dừng, hủy bỏ hợp đồng:**9.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:**

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng;
- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành trong quản lý đầu tư và xây dựng.

9.2 Hủy bỏ hợp đồng:

a. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;

b. Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường;

c. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

Cung cấp đầy đủ và kịp thời hồ sơ thiết kế chính xác cho nhà thầu thiết kế các thay đổi thiết kế nếu có.

Giải phóng mặt bằng; bàn giao kịp thời và đầy đủ cho nhà thầu kịp tiến độ thi công mà 2 bên đã thống nhất.

Bố trí đầy đủ, thường xuyên người đại diện của chủ đầu tư đủ thẩm quyền, lực lượng giám sát viên có chất lượng, có tinh thần trách nhiệm để làm tốt nhiệm vụ giám sát của đơn vị.

Làm tốt kế hoạch và thủ tục cấp vốn sớm cho công trình theo kế hoạch được ghi hàng năm. Kịp thời thanh toán kinh phí khối lượng công trình đã thực hiện cho nhà thầu trong quá trình thi công và kết thúc công trình, theo nội dung được nêu trong bản hướng dẫn cho các đơn vị dự thầu của hồ sơ mời thầu.

Khi phát hiện các sai phạm về chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình, bên A có quyền buộc nhà thầu dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả.

Điều 12. Điều khoản chung

12.1. Các phụ lục sau là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này:

- Hồ sơ thiết kế, dự toán đã được duyệt. Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất.
- Quyết định phê duyệt chọn đơn vị thi công.
- Phụ lục dữ liệu của hợp đồng.

12.2. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

12.3. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

12.4. Hợp đồng này được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản;

12.5. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, TT
Số: /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 20....

Biểu mẫu
số 9

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban giám sát thi công xây dựng
Công trình: xã, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, TT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 163/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

*Căn cứ
Xét đề nghị của Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng ban Quản lý xây dựng NTM xã, TT.....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban giám sát xây dựng công trình xã, TT , gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông: - Chức vụ:

Điều 2. Ban giám sát thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng các loại vật liệu xây dựng, kiểm tra chứng chỉ xuất xứ các loại vật liệu xây lắp đưa vào công trình theo đúng yêu cầu của thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt; tổ chức nghiệm thu công việc, bộ phận, hạng mục, nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp và hoàn thành hạng mục công trình theo đúng mẫu và những quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Văn phòng HĐND và UBND xã, thị trấn, Trưởng ban quản lý xây dựng nông thôn mới, Trưởng ban giám sát thi công xây dựng công trình và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Văn thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúcBiểu mẫu
số 10**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT CÔNG VIỆC XÂY DỰNG**

SỐ:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số/202..../HĐ-XD đã ký giữa UBND xã..... và về

Công trình:

Hạng mục:

1. Đối tượng nghiệm thu:(Ghi rõ tên công được nghiệm thu).....

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Đại diện Ban quản lý xã

- Ông: Chức vụ:

2.2. Đại diện Ban giám sát thi công:

- Ông: Chức vụ:

2.2 Đại diện Nhà thầu thi công: (Ghi tên nhà thầu)

- Ông: Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu:giờ ngày.....tháng....năm....

Kết thúc:giờ ngày.....tháng....năm.....

Tại công trình:

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

- **Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:**

Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế được phê duyệt: Bản vẽ số: (Ghi rõ tên, số các bản vẽ thiết kế)

Tiêu chuẩn, qui phạm xây dựng được áp dụng: (Ghi rõ các tiêu chuẩn, qui phạm áp dụng)

Các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị được đưa vào sử dụng:

Nhật ký thi công, giám sát và các văn bản khác có liên quan

- **Về chất lượng công việc xây dựng:**

(Ghi rõ chất lượng công tác xây dựng có đạt hay không đạt theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế và các tiêu chuẩn, qui phạm áp dụng hay không)

- **Các ý kiến khác nếu có:.....**

5. Kết luận:

(Cần ghi rõ chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu để cho triển khai các công việc tiếp theo. Hoặc ghi rõ những sai sót (nếu có) cần phải sửa chữa, hoàn thiện trước khi triển khai các công việc tiếp theo).

Đại diện
Ban quản lý XD NTM xã

Đại diện
đơn vị thi công

Đại diện
Ban giám sát

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Biểu mẫu số 11

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
Công trình:

Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày tháng năm 2011

Kết thúc: ngày tháng năm 2011

I. Thành phần nghiệm thu gồm:

1. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Ủy ban nhân dân xã:.....

.....
- Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

2. Đại diện Ban giám sát thi công:

- Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

3. Đại diện đơn vị sử dụng (xóm.....):

- Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

4. Đại diện nhà thầu thi công (Bên B):

- Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

II. Đánh giá công việc xây dựng:

1. Xem xét hồ sơ, tài liệu:

.....
2. Kiểm tra tại hiện trường:.....
3. Nhận xét về khối lượng, thời gian thi công và chất lượng:

3.1. Thời gian thi công (bắt đầu, hoàn thành):

3.2. Chất lượng thi công so với hồ sơ được duyệt:

4. Những sửa đổi so với hồ sơ được duyệt (nêu những sửa đổi lớn):

.....
5. Kiến nghị (nếu có):

6. Kết luận: (Đồng ý hay không đồng ý nghiệm thu công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng):

**Đại diện
Chủ đầu tư
(UBND xã.....)
(Ký tên, đóng dấu)**

**Đại diện
đơn vị thi công**

**Đại diện
Ban giám sát**

**Đại diện
xóm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, TT.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-UBND

....., ngày... tháng... năm...

Biểu mẫu
số 12

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án
Công trình:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, TT.....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng; Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 163/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc sửa đổi bổ sung bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng ban Quản lý xây dựng NTM xã, (TT)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hạng mục công trình) hoàn thành

- Tên dự án:
- Tên (dự án thành phần/tiểu dự án độc lập/hạng mục công trình) hoàn thành:
- Chủ đầu tư:
- Địa điểm xây dựng:
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán

1	2	3	4
Tổng số			
1. Vốn Ngân sách trung ương (gồm hỗ trợ có mục tiêu và CTMTQG) 2. Vốn TPCP; 3. Vốn ODA; 4. Vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; 5. Vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; 6. Vốn ĐTPT của doanh nghiệp Nhà nước; 7.			

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số		
1. Bồi thường, hỗ trợ, TĐC		
2. Xây dựng		
3. Thiết bị		
4. Quản lý dự án		
5. Tư vấn		
6. Chi phí khác		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính:

đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số				
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)				
2. Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng:

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính:

đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		
1. Vốn Ngân sách trung ương (gồm hỗ trợ có mục tiêu và CTMTQG)		

2. Vốn TPCP;		
3. Vốn ODA;		
4. Vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh;		
5. Vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước;		
6. Vốn ĐTPT của doanh nghiệp Nhà nước;		
7.		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày... tháng... năm... là:

+ Tổng nợ phải thu:

+ Tổng nợ phải trả:

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại phụ lục số:..... kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có):

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

(ghi theo quy định Khoản 4 Điều 20
của Thông tư số 09/2016/TT-BTC)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (TT)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu
số 13

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc hỗ trợ kiên cố kênh mương đi qua khu dân cư
hoàn thành xây dựng trong năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên xóm (tổ dân phố):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã..... hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình kiên cố kênh mương với các nội dung sau:

1. Tên công trình: ;

2. Chủ đầu tư: ;

3. Địa điểm xây dựng:;

4. Mục tiêu đầu tư;

5. Tổng chiều dài công trình kiên cố kênh mương: Km;

- Chiều dài 1 bờ kênh cấp 2:.....Km;

- Chiều dài 1 bờ kênh cấp 3:.....Km;

6. Số đối tượng được hưởng lợi từ công trình:..... hộ.

7. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình:..... đồng.

Trong đó:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ là :.....đồng.

+ Hỗ trợ kiên cố hóa kênh cấp 1:..... đồng;

+ Hỗ trợ kiên cố hóa kênh cấp 2:..... đồng;

+ Hỗ trợ kiên cố hóa kênh cấp 3:..... đồng;

+ Kinh phí của cộng đồng dân cư là các đối tượng hưởng lợi đóng góp:
đồng.

+ Kinh phí huy động khác (nếu có): đồng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã xem xét giải quyết./.

ĐẠI DIỆN XÓM (TDP)

(Ký và ghi đầy đủ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã

Số/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 202...

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương
qua khu dân cư xây dựng trong năm 2024**Biểu mẫu
số 14

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện.

Thực hiện Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND huyện Hải Hậu về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 25/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVII về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng huyện Hải Hậu nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của UBND huyện Hải Hậu về việc ban hành quy định cơ chế hỗ trợ và khen thưởng xây dựng nông thôn mới năm 2024 từ vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước huyện Hải Hậu.

Trong năm 2024, UBND xã đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn xã....., trong đó có nội dung kiên cố kênh mương đi qua khu dân cư, đến nay các tuyến kênh được kiên cố đã đưa vào sử dụng.

Nay UBND xã lập Tờ trình đề nghị UBND huyện Hải Hậu hỗ trợ kinh phí kiên cố kênh mương cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư xây dựng trong năm 2024 theo Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của UBND huyện, cụ thể như sau:

TT	Tên cấp kênh	Chiều dài kênh	Định mức hỗ trợ	Thành tiền
1	Kênh cấp 1	 km	 triệu đồng	 triệu đồng
2	Kênh cấp 2	 km	 triệu đồng	 triệu đồng
3	Kênh cấp 3	 km	 triệu đồng	 triệu đồng
Tổng		 km	 triệu đồng	 triệu đồng

(Số tiền ghi bằng chữ:)

Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết kinh phí đề nghị hỗ trợ các tuyến kênh đi qua khu dân cư đã hoàn thành xây dựng kiên cố trong năm 2024

UBND xã kính trình./.

*** Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư.

TM. UBND XÃ**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu
số 15

BẢNG TỔNG HỢP

Chi tiết kinh phí đề nghị hỗ trợ kiên cố hóa kênh cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư, đã hoàn thành xây dựng trong năm 2024

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../202... của UBND xã.....)

Tổng chiều dài kênh cấp 1: km, số tiền đề nghị hỗ trợ triệu đồng;

Tổng chiều dài kênh cấp 2: km, số tiền đề nghị hỗ trợ triệu đồng;

Tổng chiều dài kênh cấp 3: km, số tiền đề nghị hỗ trợ triệu đồng;

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ: triệu đồng.

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biểu mẫu
số 15

BIÊN BẢN

Thẩm định, đánh kết quả xây dựng, kiên cố hóa kênh mương cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư hoàn thành trong năm 2024

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../202.. của UBND huyện Hải Hậu về việc thành lập Tổ công tác thẩm định, nghiệm thu kết quả kiên cố hóa kênh mương đi qua khu dân cư xây dựng trong năm 2024.

Hôm nay, ngày / /2025 tại UBND xã huyện Hải Hậu, chúng tôi:

1. Thành phần tham dự

Tổ công tác của huyện gồm

- | | |
|--------------------|------------------|
| 1. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 2. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 3. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 4. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 5. Ông (bà): | - Chức vụ: |

Đại diện UBND xã

- | | |
|--------------------|------------------|
| 1. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 2. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 3. Ông (bà): | - Chức vụ: |
| 4. Ông (bà): | - Chức vụ: |

2. Nội dung làm việc

Tiến hành thẩm định, đánh giá, nghiệm thu kết quả xây dựng kiên cố hóa kênh mương cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư tại xã

Kết quả cụ thể như sau:

Tổng số km đạt tiêu chuẩn, xây dựng trong năm 2024 tính theo chiều dài 1 bên là km, cụ thể như sau:

a. Số km kênh cấp 1 đạt tiêu chuẩn tính theo chiều dài một bên tổng số là km gồm:

- Từ khu nhà ông đến nhà ông , xóm....., dài km, thuộc kênh (tên kênh)

b. Số km kênh cấp 2 đạt tiêu chuẩn tính theo chiều dài một bên tổng số là km gồm:

- Từ khu nhà ông đến nhà ông , xóm....., dài km, thuộc kênh (tên kênh)

c. Số km kênh cấp 3 đạt tiêu chuẩn tính theo chiều dài 1 bên tổng số là km gồm:

- Từ khu nhà ông đến nhà ông , xóm....., dài km, thuộc kênh (tên kênh)

3. Kết luận, đề nghị của Tổ công tác

3.1 Kết luận:

Tổng số km kênh cấp 1, cấp 2, cấp 3 đi qua khu dân cư tính theo chiều dài 1 bên của xã có km đạt tiêu chuẩn. Cụ thể:

- Số km kênh cấp 1 đạt tiêu chuẩn:km tính theo chiều dài 1 bên.
- Số km kênh cấp 2 đạt tiêu chuẩn:km tính theo chiều dài 1 bên.
- Số km kênh cấp 3 đạt tiêu chuẩn:km tính theo chiều dài 1 bên.

3.2. Đề nghị: UBND huyện hỗ trợ kinh phí kiên cố hóa kênh mương cấp 1, cấp 2, cấp 3 theo UBND xã chịu trách nhiệm về các công trình được nghiệm thu năm 2024 và chi trả kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

Biên bản lập thành 03 bản và được thông qua cho mọi người cùng nghe; biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày./.

**ĐẠI DIỆN PHÒNG
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**TM. UBND XÃ, TT
CHỦ TỊCH**

**ĐẠI DIỆN PHÒNG
KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ**

**ĐẠI DIỆN PHÒNG
TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
KTCCTL HẢI HẬU**

